TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: 545/2026/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 626/2026/TLST-HNG ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991
- Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Số G đường L, Ấp I, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Minh S thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung là trẻ Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/5/2018. Bà T và ông S thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Minh T1 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông S tự thỏa thuận.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Bà T và ông S xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Lệ phí Tòa án do bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Minh S mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Minh S thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 03 do Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 08/01/2014).

- Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung là trẻ Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/5/2018. Bà T và ông S thống nhất giao trẻ Nguyễn Minh T1 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông S tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông S xác nhận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T và ông S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Minh S mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027886 ngày 06/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông S đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 6 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Long An, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thiên Kim

TAND KHU VỰC 6
HNW300626.TL.QDBA
8958